

ENGLISH 8
THEME 7: GOING OUT- Lesson 3 + 4
Week 3 (from 06/04/2020 to 11/4/2020)

Phần ghi vào tập bài học:

Tuesday, April 07th, 2020

THEME 7: GOING OUT

A. Lesson 3

*** New words:** Các em tham khảo và ghi từ vựng Theme 7 (Lesson 3) trang 4 đề cương vào tập bài học.

LESSON 3		
1.request	v	Yêu cầu
2.advice	n, v	Lời khuyên, khuyên
3.command	n	Mệnh lệnh
4.remember≠ forget	v	Nhớ ≠ quên
5.call	v	Gọi
6.chores	n	Việc vặt
do chores		Làm việc vặt
7. jacket	n	Áo khoác
8. horror movie	n	Phim kinh dị
9. action movie	n	Phim hành động
10. take out	Phr.v	Đưa ra
11. trash=garbage	n	Rác
12.borrow	v	Mượn
13.sweater	n	Áo len

*** Useful Language: (STUDENT'S BOOK/ 68) Ghi vào tập bài học**

Useful Language Listen then practice. 

"Can you meet me at 8 p.m.?" She asked me if I could meet her at 8 p.m.
 "You should see the new action movie." He said we should see the new action movie.

*** Grammar: Ghi vào tập bài học**

Reported Speech: Commands, requests and advice in reported speech

1. Commands requests in reported speech. (Câu mệnh lệnh ở lời nói gián tiếp)

“(Don’t) + V +.....+ (please)”
→ S + toled + O + (not) + to_infinite +.....

Ex: “**Turn off** the light before going to bed,” my mother said to me.

→ My mother **told** me **to turn off** the light before going to bed.

Ex: “**Don’t play** with matches,” the mother said.

→ The mother **told** her child **not to play** with matches.

Ex: “**Hurry up**, Lan”

→ He **told** Lan **to hurry up**.

Ex: “**Don’t make** noise in class, please!”

→ The teacher **told** them **not to make** noise in class.

Ex: “Remember to **bring** your math book”

→ My father **told** me to bring my math book.

2. Requests in reported speech. (Câu yêu cầu ở lời nói gián tiếp)

“ **Can/ Could/... + S + V+ O ?**”

→ S+ **asked** + O + if + S + **could** + V +.....

Ex: “ **Can** you meet me at 8 p.m?”

→ **She asked** me if **I could** meet **her** at 8 p.m.

Ex: “ **Can** I borrow your book?”

→ He **asked** me if **he could** borrow **my** book.

3. Advice in reported speech (Lời khuyên ở lời nói gián tiếp)

“ **S + should (not) + V...**”

→ S₁ + **said** + (that) + S₂ + **should (not) + V +.....**

Ex: Her mother said to **her**, “**You should** spend much time on Math.”

→ Her mother **said she** should spend much time on Math.

* Note:

Cách đổi đại từ: “NHẤT CHỦ NHỊ TỨC TAM NGUYÊN”

- Ngôi thứ **nhất** (I, me, my) được đổi theo ngôi của **chủ từ** trong mệnh đề tường thuật.

- Ngôi thứ **hai** (You, your, yours) được đổi theo ngôi của **túc từ** trong mệnh đề tường thuật.

- Ngôi thứ **ba** (He, She, It, They, him, his, her , them , their) **giữ nguyên** (không đổi).

I → he / she

me → him / her

my → his / her

you → I /we

We → they

us → them

our → their


your → my/ our

B. Lesson 4

* **New words:** Các em tham khảo và ghi từ vựng Theme 7 (Lesson 4) trang 4 đề cương vào tập bài học.

LESSON 4		
1. villain	n	Dân làng
2. hero	n	Vị anh hùng
heroic	adj	Quả cảm
3. tragedy	n	Thảm kịch, bi kịch
4. comedy	n	Hài kịch
5. character	n	Nhân vật
6. fall in love (with)		Phải lòng
7. brave	adj	Can đảm
8. destroy	v	Phá hủy
destruction	n	Sự tàn phá
9. marriage	n	Hôn nhân
marry	v	Kết hôn
10. ending	n	Phần kết thúc
11. army	n	Quân đội
12. fight-fought-fought	v	Đánh nhau
13. control	v	Điều khiển
14. defeat	v	Đánh bại
15. write – wrote- written	v	Viết
16. dynasty	n	Triều đại
17. run away		Bỏ chạy
18. play	n	Kịch

* **Useful Language:** Ghi vào tập bài học (**STUDENT'S BOOK/ 70**)

Useful Language Listen then practice. 

What kind of play is **Othello**? It's a **tragedy**.

Where is it set? It's set in **Italy**.

Who are the main characters? **Othello** is the hero, and **Iago** is the villain.

What's it about? **Iago** tries to destroy **Othello's** life and marriage.

*** Grammar: Question words : Từ để hỏi (Ghi vào tập bài học)**

- WHAT: cái gì?
- WHERE: ở đâu? (hỏi về nơi chốn)
- WHEN: khi nào? (hỏi về thời gian)
- WHY: tại sao? (hỏi về lý do)
- WHO: ai? (hỏi về người, chủ ngữ)
- WHOM: ai? (hỏi về vật, tân ngữ)
- HOW: thế nào? (hỏi về cách thức làm gì)
- WHOSE: của ai? (hỏi ai sở hữu cái gì)
- WHICH: cái nào? (hỏi về sự lựa chọn)
- HOW MUCH: bao nhiêu? (hỏi về số lượng, giá tiền (không đếm được))
- HOW MANY: bao nhiêu? (hỏi về số lượng đếm được)
- HOW LONG: bao lâu? (hỏi về thời gian)
- HOW OFTEN: thường xuyên như thế nào? (hỏi về tần suất)
- HOW FAR: bao xa? (hỏi về khoảng cách)

....

THE END